TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/DS-ST
Ngày: 28/9/2018
V/v tranh chấp dân sự, vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Hiếu;

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dung.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2018/TLST-DS ngày 19/6/2018 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay, tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2018/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2018/QĐST - DS ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm: 1985,

Nơi cư trú: Tổ 08, khóm V, phường S, thành phố D.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Trần Chí C, sinh năm: 1970; Địa chỉ: ấp H, xã Ph, thị xã C, tỉnh An Giang (Giấy ủy quyền ngày 02/7/2018).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1963,

Nơi cư trú: Số 136/6, tổ 22, đường Gi, khóm Q, phường B, thành phố D, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Trịnh Kim C1, sinh năm: 1965,

Nơi cư trú: Số 72 đường G, khóm Q, phường B, thành phố D, tỉnh An Giang.

3.2. Chị Phan Thị Hồng H1, sinh năm: 1965,

Nơi cư trú: Số nhà 21, ấp G, xã H, huyện T, tỉnh An Giang.

Anh Trần Chí C có mặt tại phiên tòa;

Chị Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt lần thứ hai;

Chị Trịnh Kim C1 có đơn và có yêu cầu xét xử vắng mặt;

Chị Phan Thị Hồng H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 28/5/2018 chị Nguyễn Thị Ngọc O trình bày:

Vào ngày 25/01/2017, chị (O) có cho bà Ngọc H vay 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, thời hạn vay 01 tháng sẽ trả lại cho chị, khi vay bà Hoa có đưa cho chị (O) 01 bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00703 QSDĐ/Bb ngày 04/4/2002 do Ủy ban nhân dân thị xã Châu Đốc (nay là thành phố Châu Đốc) cấp cho bà Hoa để làm tin. Do bà Hoa không thực hiện việc đóng lãi, chị nhiều lần đến gặp bà Hoa và yêu cầu bà trả tiền cho chị, nhưng bà Hoa không chịu trả tiền còn dùng lời lẽ thách thức chị đi thưa. Nay chị (O) có yêu cầu bà Hoa trả vốn – lãi kể từ ngày vay là ngày 25/01/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Vào ngày 25/01/2017 chị có viết biên nhận cho (O) với khoản vay 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, chữ viết và chữ ký theo biên nhận nợ là của chị, tuy nhiên thực tế là chị chỉ vay tiền của bà Trịnh Kim C1 là mẹ của O), khoản vay khoảng 80.000.000 (Tám mươi triệu đồng, do bà C1 nhập tiền vốn - lãi nên lên đến 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, ngoài ra khi vay tiền chị có thế chấp cho bà C1 bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được Ủy ban nhân dân thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang ngày 04/4/2002 mang tên Nguyễn Thị Ngọc H – Nguyễn Văn E (nay ông E đã qua đời). Do bà C1 yêu cầu bà ký tên vào biên nhận nợ của Ngọc O. Nay chị chấp nhận thanh toán vốn vay 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, không tính lãi và bà C1 phải trả lại cho chị Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được Ủy ban nhân dân thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang ngày 04/4/2002 mang tên Nguyễn Thị Ngọc H – Nguyễn Văn E cho chị.

Bà Trịnh Kim C1 trình bày:

Bà (Cúc) và bà Ngọc H quen biết nhau, việc bà Hoa vay tiền của Ngọc O, không liên quan gì đến khoản vay giữa bà và bà Ngọc H, bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu kiện của Ngọc O.

Chị Phan Thị Hồng H1 trình bày:

Chị có cho chị Trịnh Kim C1 vay tiền, chị Cúc không trả nên chị khởi kiện và được Tòa án xét xử theo bản án số 11/2014/DS – ST ngày 14/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, cho đến nay vẫn chưa thi hành xong khoản nợ. Bà có yêu cầu bà C1 phải thi hành khoản nợ trên cho bà cùng vốn - lãi.

Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự, bà C1 có yêu cầu không tham gia phiên hòa giải; chị Hồng H1 xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành hòa giải vắng mặt bà C1 và chị Hồng H1. Tòa án tiến hành công khai chứng cứ vắng mặt; Tòa án thông báo thu thập tài liệu chứng cứ cho bà C1 và chị Hồng H1 biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo pháp luật.

Tại phiên tòa, anh Cường đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên theo yêu cầu khởi kiện của chị O;

Hội đồng xét xử công bố các lời khai của chị Nguyễn Thị Ngọc H; bà Trịnh Kim C1 và chị Phan Thị Hồng H1.

Kết quả xác minh của Tòa án (Ban khóm Châu Thới 2, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thẩm quyền:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc O khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng từ hợp đồng vay thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản là có căn cứ.

- Về thu thập chứng cứ:

Thẩm phán thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai đương sự, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ là hoạt động thu thập chứng cứ của Thẩm phán, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 97, Điều 98, Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gởi văn bản tố tụng, tống đạt cac văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng đúng quy định.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Xét thấy bà O kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H trả số tiền vay 150.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật kể tử ngày 25/01/2017 đến khi xét xử, đồng thời cung cấp biên nhận nợ ngày 25/01/2017 có chữ ký của bà Ngọc H với nội dung thể hiện, Nguyễn Thị Ngọc H có mượng của cô Nguyễn Thị Ngọc O số tiền là 150.000.000 đồng và bà Hoa cũng thừa nhận chữ ký trong biên nhận là của bà. Do bà Ngọc H vi phạm nghĩa vụ trong việc thanh toán, nên việc bà O kiện yêu cầu bà Ngọc H trả vốn, lãi theo quy định pháp luật là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

Việc bà Ngọc H cho rằng chỉ vay của bà Trịnh Kim C1 (mẹ của bà O) khoảng 80.000.000 đồng do nhập vốn và lãi thành 150.000.000, chứ không vay của bà O và khi vay có thế chấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng bà O và bà C1 không thừa nhận ngoài lời khai của bà Ngọc H thì không có chứng cứ gi khác để chứng minh. Đồng thời kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án thể hiện quyền sử dụng đất của bà Ngọc H trước đây có thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân thành phố Châu Đốc và bà Ngọc H đã trả nợ và nhận lại giấy chứng nhận vào ngày 09/10/2017. Riêng giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà trước đây giữa bà Ngọc H, bà C1 và bà Phan Thị Hồng H1 có thế chấp với nhau và đã được Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc giải quyết bằng bản án số 11/2014/DS-ST ngày 15/4/2014. Theo nội dung Bản án thể hiện bà Phan Thị Hồng H1 là người giữ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và đất của bà Ngọc H. Do đó việc bà Ngọc H cho rằng chỉ nợ bà C1 và sau khi trả số tiền 150.000.000 đồng thì bà C1 phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà là không có cơ sở.

Do đó, căn cứ các điều 463, điều 466, điều 468 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền:

Chị Nguyễn Thị Ngọc O khởi kiện tranh chấp dân sự, vay tài sản với chị Nguyễn Thị Ngọc H, địa chỉ: Tổ 22, khóm Châu Quới 2, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Thời hiệu khởi kiện:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận xác lập quan hệ vay 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng theo biên nhận nợ đề ngày 25/01/2017. Ngày

19/6/2018, chị Ngọc O khởi kiện nên còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Sự vắng mặt của đương sự:

Chị Trịnh Kim C1 và chị Phan Thị Hồng H1 có đơn yêu cầu xét xử và có yêu cầu xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[1] Vốn vay:

Chị Nguyễn Thị Ngọc H thừa nhận chữ viết và chữ ký tên trong biên nhận nợ đề ngày 25/01/2017 do chị O cung cấp cho Tòa án là của chị Hoa viết và ký tên khoản vay 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, hiện chưa thanh toán vốn vay.

Chị Ngọc O khai: Chị Hoa vay của chị 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng vào ngày 25/01/2017 chưa đóng lãi và cũng chưa trả vốn gốc.

Chị Ngọc H cho rằng, chị không có vay tiền của O, mà chị chỉ vay tiền của bà Trịnh Kim C1 là mẹ của O khoảng: 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng (theo biên bản hòa giải ngày 15/8/2018); khoảng 72.000.000 đồng theo biên bản đối chất ngày 15/8/2018, bà C1 đã cộng vốn – lãi nên số tiền lên đến 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng. Bà C1 yêu cầu nên chị viết biên nhận nợ tiền của con gái là Ngọc O. Khi vay tiền của bà C1 chị có thế chấp cho bà C1 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được Ủy ban nhân dân thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang ngày 04/4/2002 mang tên Nguyễn Thị Ngọc H – Nguyễn Văn Em (ông Em đã qua đời, chị và ông Em chung sống không có con chung).

Quá trình giải quyết vụ án anh Cường không chấp nhận lời khai của chị Ngọc H, bà C1 có nộp bảng tự khai cho rằng khoản vay giữa Ngọc H và Ngọc O không liên quan gì đến bà và bà Ngọc H.

Xét, việc chị Ngọc H vay tiền của chị Ngọc O có viết biên nhận nợ thể hiện khoản vay 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, chị O khai, chị Hoa chưa đóng lãi, chị Hoa thừa nhận chữ viết, chữ ký trong biên nhận nợ do chị O cung cấp cho Tòa án là chữ viết, chữ ký của chị, chị cho rằng bà C1 yêu cầu chị viết biên nhận nợ con gái của bà C1 là Ngọc O, nhưng không có chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận trình bày của chị Ngọc H.

Đối với việc chị Ngọc H thế chấp cho bà C1 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được Ủy ban nhân dân thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang ngày 04/4/2002 mang tên Nguyễn Thị Ngọc H – Nguyễn Văn Em (Ông Em đã qua đời năm 2014, chị Hoa có giao nộp cho Tòa

án Giấy chứng tử; ông Em và bà Hoa chung sống với nhau không có con chung). Theo bản án dân sự sơ thẩm số 11/2014/DS – ST ngày 14/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc: "..tại phần nhận thấy: Bà Nguyễn Thị Ngọc H có Tờ tường trình ngày 10/3/2014 cho biết khoảng cuối năm 2011 giữa bà và bà C1 có mối quan hệ làm ăn với nhau nên giao Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang tên vợ chồng cho bà C1 giữ để làm tin, việc bà C1 thế chấp cho ai thì bà không rõ, bà C1 không nói cho bà biết, được biết bà Phan Thị Hồng H1 đang giữ giấy, bà yêu cầu bà Hoa trả lại". Nội dung cũng không thể hiện bà Ngọc H vay tiền của bà C1 là bao nhiêu tiền và tại phần Quyết định của Bản án cũng thể hiện: "Tuyên bố hợp đồng thế chấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang tên bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn Em cấp ngày 04/4/2002 giữa bà Phan Thị Hồng H1 với bà Trịnh Kim C1 là vô hiệu. Buộc bà Phan Thị Hồng H1 giao trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang tên Nguyễn Thị Ngọc H - Nguyễn Văn Em cấp ngày 04/4/2002 cho chị Ngọc H và ông Em sau khi bà C1 trả dứt nợ" nên quan hệ vay trên đã được xử lý việc giao trả Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang tên Nguyễn Thị Ngọc H - Nguyễn Văn Em theo bản án 11/2014/DS – ST ngày 14/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, nên chị Ngọc H yêu cầu bà C1 trả lại cho chị Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở là không có cơ sở.

Đối với việc bà Trịnh Kim C1 vay tiền của chị Hồng H1 và thế chấp cho chị Hồng H1 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được Ủy ban nhân dân thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang ngày 04/4/2002 mang tên Nguyễn Thị Ngọc H – Nguyễn Văn Em, điều này chứng tỏ người hiện đang giữ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang tên Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn Em là chị Hồng H1 chứ không phải bà C1 và quan hệ pháp luật này đã được Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc thụ lý giải quyết bằng bản án số 11/2014/DS – ST ngày 14/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Vụ án đến nay đã có hiệu lực pháp luật trách nhiệm giải quyết việc thi hành án thuộc Cơ quan Thi hành án dân sự, nên không đề cập đến giải quyết.

Do chị Ngọc H đã xác lập quan hệ vay tiền với chị Nguyễn Thị Ngọc O trên cơ sở tự nguyện nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên, chị O nhiều lần yêu cầu chị Ngọc H trả tiền nhưng chị Hoa không thực hiện việc trả nợ là vi phạm nghĩa vụ, nên chị O khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

[2] Tiền lãi: Quá trình thực hiện hợp đồng vay chị Hoa không chứng minh việc trả lãi cho chị O, chị O khai chưa đóng lãi, nên chấp nhận lời khai của chị O.

Tiền lãi được tính như sau: 25/01/2017 – 28/09/2018 (Tòa án xét xử):

150.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 19 tháng 3 ngày (573) =

Vậy vốn – lãi: 150.000.000 đồng + 23.779.500 đồng = *173.779.500 (Một trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm) đồng*.

[3] Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm trả cho Nguyễn Thị Ngọc O vốn – lãi đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Đối với việc chị O cho rằng khi vay tiền có đưa cho chị O 01 bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số 00703 QSDĐ/Bb ngày 04/4/2002 do Ủy ban nhân dân thị xã Châu Đốc (nay là thành phố Châu Đốc) cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc H để làm tin, bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên không có giá trị nên không đề cập đến giải quyết việc giao trả.

[5] Về án phí

Chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn và được chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tuy nhiên theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tại khoản 01 Điều 13 của Nghị quyết: " Người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú thì được Tòa án giảm 50% mức tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án mà người đó phải nộp". Đơn xin miễn giảm án phí mà chị Hoa giao nộp cho Tòa án, Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc chỉ xác nhận chị Hoa có hoàn cảnh gia đình khó khăn, do không đáp ứng yêu cầu theo hướng dẫn của Nghị quyết trên, nên không thể xem xét giảmn án phí cho bà Hoa nên chị Hoa phải chịu *8.689.000 (Tám triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn) đồng* án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Ngọc O được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả *3.750.000 (ba triệu, bảy trăm, năm mươi nghìn) đồng* tạm ứng án phí đã nộp cho chị O.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc O;

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc O: *173.779.500 (Một trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm) đồng.*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm

Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu *8.689.000 (Tám triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn) đồng* án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Ngọc O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị O *3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2015/0007392 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

[3] Về quyền kháng cáo

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Ngọc O có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Nguyễn Thị Kiều Nga